TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 -5 - 2025
"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2025 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Mã Tấn Đ . Sinh năm: 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường N, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T.Sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường N, khóm A, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đ trình bày:

- Về hôn nhân*:* Ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do bà T không trung thực về tiền bạc, không tôn trọng nhau từ đó dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Do đó, ông xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Mã Tấn P, sinh ngày 12/01/2011 và Mã Hải C, sinh ngày 14/4/2013. Khi ly hôn, ông đồng ý giao hai con cho bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung.

-Về nợ chung*:* Ông xác định vợ chồng không có nợ.

Đối với bà Nguyễn Thị Phương T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để bà T tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử nhưng bà T vẫn vắng mặt không rõ lý do và không gởi văn bản ý kiến về các vấn đề ông Đ yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Mã Tấn Đ xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Đ về việc được ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Đ và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do hôn nhân của ông bà có vi phạm về mặt hình thức theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đ và bà T.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết ông Đ xác định ông bà có 02 con chung tên Mã Tấn P, sinh ngày 12/01/2011 và Mã Hải C, sinh ngày 14/4/2013. Khi ly hôn, ông đồng ý giao hai con cho bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 18/3/2025 hai con chung là Mã Tấn P và Mã Hải C đều có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Phương T. Nhận thấy yêu cầu của ông Đ là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu P và C. Bà T không có ý kiến về vấn đề con chung. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Đ giao hai con chung tên Mã Tấn P, sinh ngày 12/01/2011 và Mã Hải C, sinh ngày 14/4/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận ông Mã Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Phương T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Mã Tấn P, sinh ngày 12/01/2011 và Mã Hải C, sinh ngày 14/4/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mã Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/3/2025 ông Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0010450 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ú